

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỒ SƠ MỜI THẦU**  
**MUA SẮM HÀNG HOÁ**

**Tên gói thầu:**

Trang bị mới máy vi tính cho CBCNV khối văn phòng công ty

**Chủ đầu tư:**

Công ty cổ phần xây dựng 47

**Địa điểm lắp đặt**

Tòa nhà Công ty cổ phần xây dựng 47  
Số 8 đường Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 47

Số: 1067/TB-CC47

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 12 tháng 8 năm 2020

## THÔNG BÁO MỜI THẦU

1. Công ty Công ty cổ phần xây dựng 47 có kế hoạch tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước Gói thầu: Trang bị mới thiết bị máy tính cho CBCNV khối Văn phòng công ty.
  2. Bên mời thầu: Công ty cổ phần xây dựng 47 mời tất cả các nhà thầu có đủ điều kiện và năng lực tới tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên.
  3. Nhà thầu có nguyện vọng tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng 47
    - Địa chỉ: Số 8 đường Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
    - Điện thoại: 0256.3522166 - 0256.3522931 Fax: (0256) 3522316
    - Email: [ctyxaydung47@gmail.com](mailto:ctyxaydung47@gmail.com)
    - Web site: <http://www.xaydung47.vn/>
  4. Nhà thầu tham dự sẽ được phát miễn phí một bộ hồ sơ mời thầu hoàn chỉnh
    - Thời gian cung cấp HSMT: Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 8 năm 2020 đến trước 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 8 năm 2020 (trong giờ hành chính).
  5. Bảo đảm dự thầu trị giá là **15.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn) bằng tiền nộp vào Công ty cổ phần xây dựng 47 hoặc bằng thư bảo lãnh của ngân hàng và phải được chuyển đến Công ty cổ phần xây dựng 47 trước khi nộp Hồ sơ dự thầu.
  6. Thời gian đóng thầu: 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 8 năm 2020
  7. Thời gian mở thầu: 08 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Công ty cổ phần xây dựng 47 theo địa chỉ nêu trên.
- Công ty cổ phần xây dựng 47 kính mời đại diện của các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu tới tham dự lễ mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên. Được

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*Dương Minh Quang*

## THÀNH PHẦN HỒ SƠ MỜI THẦU

Các từ viết tắt.....	
<b>Phần I. Chỉ dẫn đối với nhà thầu .....</b>	
<b>Chương I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu .....</b>	
A. Tổng quát.....	
B. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu.....	
C. Nộp hồ sơ dự thầu .....	
D. Mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.....	
E. Trúng thầu .....	
<b>Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu .....</b>	
<b>Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá và xác định đề nghị trúng thầu .....</b>	
<b>Chương IV. Biểu mẫu dự thầu .....</b>	
Mẫu số 1. Đơn dự thầu .....	
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền.....	
Mẫu số 3A, 3B. Biểu giá chào thầu .....	
Mẫu số 4. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện .....	
Mẫu số 5. Bảo lãnh dự thầu.....	
Mẫu số 6. Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất .....	
<b>Phần II. Yêu cầu về cung cấp .....</b>	
<b>Chương V. Phạm vi cung cấp .....</b>	
<b>Phần III. Yêu cầu về hợp đồng.....</b>	
<b>Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.....</b>	
<b>Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng .....</b>	
<b>Chương VIII. Mẫu hợp đồng .....</b>	
Mẫu số 7. Hợp đồng.....	
Mẫu số 8. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.....	
Mẫu số 9. Bảo lãnh tiền tạm ứng .....	

### **Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:**

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;  
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;  
Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 27/7/2020 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư, trang bị mới thiết bị máy vi tính cho CBCNV Văn phòng công ty.  
Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

### **Các từ viết tắt trong hồ sơ mời thầu**

<b>BDL</b>	Bảng dữ liệu đấu thầu
<b>HSMT</b>	Hồ sơ mời thầu
<b>HSĐT</b>	Hồ sơ dự thầu
<b>ĐKC</b>	Điều kiện chung của hợp đồng
<b>ĐKCT</b>	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
<b>TCDG</b>	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
<b>VNĐ</b>	Đồng Việt Nam
<b>Luật Đấu thầu</b>	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
<b>Nghị định 63/CP</b>	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu

Nhà thầu cần phải nghiên cứu kỹ các từ viết tắt trên để hiểu rõ hồ sơ mời thầu này trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

**Phần I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU**  
**Chương I. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**A. TỔNG QUÁT**

**Mục 1. Nội dung đấu thầu**

1. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia đấu thầu để cung cấp hàng hóa (bao gồm cả tháo dỡ và lắp đặt, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật kèm theo nếu có) cho gói thầu thuộc dự án nêu tại **BDL**. Tên gói thầu và nội dung cung cấp chủ yếu được mô tả trong **BDL**.
2. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định trong **BDL**.
3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu được quy định trong **BDL**.

**Mục 2. Điều kiện tham gia đấu thầu.**

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong **BDL**;
2. Nhà thầu được tham dự thầu với tư cách độc lập;
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong **BDL**;

**Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hóa**

1. Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo những yêu cầu khác nêu tại **BDL**.
2. “Xuất xứ của hàng hóa” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hoá trong trường hợp có nhiều nước hoặc lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hoá đó.

**Mục 4. Chi phí dự thầu**

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

**Mục 5. HSMT và giải thích làm rõ HSMT**

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ và thời gian ghi trong **BDL** (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong **BDL**, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được bên mời thầu ghi lại thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

**Mục 6. Sửa đổi HSMT**

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại thành phần của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
2. Hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà thầu tham gia đấu thầu.

3. Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải gửi văn bản sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu. Văn bản sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

4. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu thì nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ tại khoản 1, Mục 1 Chương này tối thiểu **03 ngày** trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà các nhà thầu chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu gửi cho các nhà thầu đã mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu.

- Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo đúng quy định tại Điểm 3 Khoản này.

5. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi công việc hoặc các nội dung yêu cầu khác, Bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu theo thời gian quy định trong **BDL**. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu khi nhận được tài liệu sửa đổi này bằng một trong những cách sau: văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

## **B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 7. Ngôn ngữ sử dụng**

HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải được viết bằng ngôn ngữ được quy định trong **BDL**.

### **Mục 8. Nội dung HSDT**

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này;
2. Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 11 Chương này;

*(Ngoài bảng dự toán dự thầu gửi trong HSDT, nhà thầu phải kèm theo dự toán dự thầu và thông số kỹ thuật của thiết bị được chứa trong USB).*

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này;

4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa theo quy định tại Mục 14 Chương này;

5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15 Chương này;

6. Các nội dung khác quy định tại **BDL**.

### **Mục 9. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu**

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì thực hiện theo quy định tại **BDL**.

## **Mục 10. Đơn dự thầu**

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương IV có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương IV). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định trong **BDL** để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

## **Mục 11. Giá dự thầu và biểu giá**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về cung cấp hàng hóa nêu tại **Phần II** của HSMT này.

2. Nhà thầu phải ghi các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục hàng hoá (lập theo Mẫu số 3A, 3B Chương IV). Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào theo quy định trong **BDL**.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu hoặc phải có bảng kê thành phần HSDT trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong biểu giá.

4. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định trong **BDL** thì nhà thầu có thể chào cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu cần chào đủ các hạng mục trong một hoặc nhiều phần của gói thầu mà mình tham dự.

## **Mục 12. Đồng tiền dự thầu**

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong **BDL**.

## **Mục 13. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như quy định trong **BDL**.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a. Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương IV

b. Các tài liệu khác được quy định trong **BDL**.

## **Mục 14. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa .**

1. Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa (theo quy định tại Mục 3 Chương này), ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

2. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu theo quy định trong **BDL** để chứng minh hàng hóa được cung cấp là phù hợp (đáp ứng) yêu cầu của HSMT.

## **Mục 15. Bảo đảm dự thầu**

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo các quy định trong **BDL**. Giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp

hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu không được hoàn trả.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong khoảng thời gian quy định trong **BDL**.

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

a. Rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT.

b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải huỷ thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Đấu thầu.

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 66 và Điều 72 của Luật Đấu thầu.

d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận thông báo.

**Lưu ý: Bên mời thầu chỉ tiếp nhận HSDT sau khi tiếp nhận bảo đảm dự thầu, tức nhà thầu nào không có bảo đảm dự thầu nộp trước thời điểm đóng thầu thì Bên mời thầu không nhận HSDT, do đó lưu ý các nhà thầu không niêm phong chung bảo đảm dự thầu với HSDT.**

#### **Mục 16. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính từ thời điểm đóng thầu và phải đảm bảo như quy định trong **BDL**. HSDT có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định trong **BDL** là không hợp lệ và bị loại.

#### **Mục 17. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản chụp HSDT được quy định trong **BDL** và ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, bên mời thầu sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 37 Chương này.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT (nếu có), biểu giá và các biểu mẫu khác yêu cầu đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Chương IV.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xoá hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).



## C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

### **Mục 18. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT**

1. HSDT bao gồm các nội dung nêu tại Mục 8 Chương này. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong **BDL**.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định tại Mục này.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 Mục này.

### **Mục 19. Thời hạn nộp HSDT**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong **BDL**.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 6 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSMT, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDT phải được đăng tải trên Báo Đấu thầu tối thiểu 01 kỳ và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu (trừ trường hợp không thuộc diện bắt buộc); Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT đã nộp theo yêu cầu mới. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

### **Mục 20. HSDT nộp muộn**

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) được gửi đến sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ, bị loại, không được mở và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu theo Mục 23 Chương này).

### **Mục 21. Sửa đổi hoặc rút HSDT**

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

## **D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU**

### **Mục 22. Mở thầu**

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm quy định trong **BDL** trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua HSMT (bao gồm cả nhà thầu thay đổi tư cách tham dự thầu) và nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDT của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDT đã nộp và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hoặc không có thư giảm giá kèm theo hồ sơ dự thầu của mình.

b) Kiểm tra niêm phong HSDT;

c) Mở HSDT và đọc các thông tin về :

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giảm giá (nếu có);
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

5. Sau khi mở thầu, đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng hồ sơ dự thầu.

### **Mục 23. Làm rõ HSDT**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký tên, chứng

thực, số bản gốc, số bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự giữ hồ sơ bổ sung này không quá 03 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

## **Mục 24. Đánh giá sơ bộ HSDT**

### **I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:**

1. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

2. Việc đánh giá được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

3. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại.

### **II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:**

#### **1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:**

a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.

b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;

c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

#### **2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:**

a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;

b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá trị dự thầu ghi trong biểu tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

đ. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

g. Nhà thầu đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, cụ thể như đã nêu tại Mục 2 Chương I.

h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Mục 3 và Mục 14 Chương này;

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

**3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III**

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

#### **Mục 25. Đánh giá về mặt kỹ thuật**

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCĐG nêu tại Chương III. Các HSDT đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật mới được xác định giá đánh giá.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

#### **Mục 26. Xác định giá đánh giá**

Bên mời thầu xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì bên mời thầu sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**.

**Mục 27. Sửa lỗi.** Bên mời thầu tiến hành sửa lỗi (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 63/CP như sau:

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp trong hồ sơ mời thầu có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

**Mục 28. Hiệu chỉnh các sai lệch:** Bên mời thầu thực hiện hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 63/CP như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch.

Trường hợp trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu này; trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu thì bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có hồ sơ dự thầu được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận

được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp nhận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

### **Mục 29. Chuyển đổi sang một đồng tiền chung**

Trường hợp cho phép các nhà thầu chào giá bằng nhiều đồng tiền khác nhau theo quy định tại Mục 12 Chương này, để có cơ sở cho việc đánh giá và so sánh các HSDT, bên mời thầu quy đổi giá dự thầu về cùng một đồng tiền căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền nước ngoài theo quy định trong **BDL**.

### **Mục 30. Tiếp xúc với bên mời thầu**

Trừ trường hợp được yêu cầu làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 23 Chương này, đàm phán hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hoá phức tạp, nếu có) nhà thầu không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình cũng như liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian kể từ thời điểm mở thầu đến khi thông báo kết quả đấu thầu.

## **E. TRÚNG THẦU**

**Mục 31. Điều kiện được xem xét trúng thầu:** Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt giá dự toán được duyệt.

### **Mục 32. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT**

Bên mời thầu được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

### **Mục 33. Thông báo kết quả đấu thầu**

1. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm.

- Thông tin quy định gồm: Tên nhà thầu trúng thầu; Giá trúng thầu; Loại hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng.

- Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

- Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản tới nhà thầu trúng thầu kèm theo dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 13 Chương X đã được điền các thông tin cụ thể của gói thầu và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ những vấn đề cần trao đổi trước khi hoàn thiện hợp đồng.

## **Mục 34. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

**34.1. Thương thảo hợp đồng:** Sau khi lựa chọn được danh sách xếp hạng nhà thầu, Tổ chuyên gia đấu thầu lập báo cáo gửi bên mời thầu để xem xét. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;
- b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu;
- c) Hồ sơ mời thầu;

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

b) Việc thương thảo hợp đồng không được thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bản tiên lượng mời thầu thiếu so với dự toán được duyệt thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong hồ sơ dự thầu chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ dự toán hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu.

c) Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu thực hiện theo quy định tại Điểm d Mục 28 trong hồ sơ mời thầu.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về các nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào theo phương án thay thế.

c) Thương thảo về nhân sự: Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chính tham gia thực hiện hợp đồng.

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trường hợp thương thảo không thành, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với nhà thầu tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

**34.2. Ký kết hợp đồng:** Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho bên mời thầu thư chấp thuận ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu bên mời thầu không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào ký kết hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Mục 15 của Chương này.

**34.3. Căn cứ để ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn như sau:**

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;
- Dự thảo hợp đồng theo trong HSMT đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
- Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung đã được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.

**Mục 35. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 5 Chương VIII (Điều kiện chung của hợp đồng) để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

**Mục 36. Kiến nghị trong đấu thầu**

**36.a. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu:**

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền:
  - a) Kiến nghị với Bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại Điều 92 Luật đấu thầu;
  - b) Khởi kiện ra Toà án vào bất kỳ thời gian nào, kể cả đang trong quá trình giải quyết kiến nghị hoặc sau khi đã có kết quả giải quyết kiến nghị;
2. Nhà thầu đã khởi kiện ra Toà án thì không gửi kiến nghị đến Bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu khởi kiện ra Toà án thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay.

**36.b. Quy trình giải quyết:**

1. Quy trình giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu:
  - a) Nhà thầu được gửi văn bản kiến nghị đến Chủ đầu tư từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;
  - b) Chủ đầu tư, bên mời thầu có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;
  - c) Trường hợp chủ đầu tư, Bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, Bên mời thầu;
  - d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.
2. Kiến nghị về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:



a) Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Chủ đầu tư, bên mời thầu có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

c) Trường hợp chủ đầu tư, Bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, Bên mời thầu. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp Trung ương do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập; cấp bộ, cơ quan ngang bộ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập; cấp địa phương do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu ở địa phương thành lập;

d) Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà thầu đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày chủ đầu tư, bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

e) Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

### **Mục 37. Xử lý vi phạm trong đấu thầu**

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Đấu thầu, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**Chương II**  
**BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU**

Bảng dữ liệu đấu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Mục tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

<b>Mục</b>	<b>Khoản</b>	<b>Nội dung</b>
<b>1</b>	<b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói thầu: Trang bị mới thiết bị máy tính cho CBCNV khối Văn phòng công ty</li> <li>- Tên Bên mời thầu: Công ty Cổ phần xây dựng 47.</li> <li>- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.</li> <li>- Nội dung cung cấp chủ yếu: Trang bị mới thiết bị máy tính (có bảng chi tiết tại Chương V phần II HSMT), toàn bộ thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2019-2020; có chế độ bảo hành <math>\geq</math>12 tháng.</li> </ul>
	<b>2</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày</b>
	<b>3</b>	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: nguồn vốn tự có của Công ty.
<b>2</b>	<b>1</b>	<p><b>Tư cách hợp lệ của nhà thầu:</b> Nhà thầu phải có đủ các điều kiện theo Điều 5 của Luật Đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Hạch toán tài chính độc lập;</li> <li>- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu.</li> </ul>
	<b>2</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu độc lập về pháp lý và tài chính với Bên mời thầu, tức không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp.</li> <li>+ Nhà thầu độc lập về pháp lý và tài chính đối với nhà thầu thẩm định giá (nếu có), tức nhà thầu và từng đơn vị tư vấn này không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.</li> </ul>
<b>3</b>	<b>1</b>	<p>Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thiết bị mà nhà thầu chào phải có mức độ đáp ứng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu trong HSMT.</li> <li>- Các vật tư thiết bị chào thầu và các linh kiện chính kèm theo phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, ghi rõ nhãn mác, hãng sản xuất, nhà máy sản xuất, địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có); không vi phạm các qui định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và Quốc tế.</li> <li>- Hàng hóa mới 100%, được sản xuất năm 2019-2020.</li> </ul>

		- Cung cấp giấy phép bán hàng của Nhà sản xuất đối với các thiết bị đặc thù theo yêu cầu tại Khoản 2, Mục 14 Chương II (Bảng dữ liệu đầu thầu) trong HSMT. Các hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy giấy phép bán hàng của Nhà sản xuất hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (Tất cả là chứng thực và bản dịch ra tiếng Việt được chứng thực).
5	2	- <b>Địa chỉ Bên mời thầu:</b> Công ty Cổ phần xây dựng 47 - Địa chỉ: Số 8 đường Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. - Điện thoại: - Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn <b>03 ngày</b> trước thời điểm đóng thầu.
6		Tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có) sẽ được bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu nhận HSMT trước thời điểm đóng thầu tối thiểu <b>03 ngày</b> .
7		<b>Ngôn ngữ sử dụng:</b> Bằng tiếng Việt. Tất cả các tài liệu sử dụng tiếng nước ngoài (nếu có) thì nhà thầu phải dịch ra tiếng Việt Nam. Nhà thầu phải đảm bảo tính chính xác giữa bản dịch và bản tiếng nước ngoài.
8		<b>Các nội dung khác:</b> Các giải pháp thực hiện gói thầu, bao gồm: - Thời gian thực hiện hợp đồng và tiến độ chi tiết. - Kế hoạch, nội dung hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ thiết bị cho đơn vị quản lý sử dụng.
9		Thay đổi tư cách tham dự thầu: Nhà thầu chỉ cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu đến bên mời thầu với điều kiện bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chấp nhận sự thay đổi tư cách khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu.
10		Tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền: Điều lệ công ty; Quyết định thành lập chi nhánh... đã được photo công chứng; riêng bản gốc giấy Ủy quyền hợp pháp phải được kèm theo trong HSDT.
11	1	Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: - Giá trước thuế. - Thuế (các loại thuế theo quy định của Nhà nước). - Giá sau thuế. * Giá dự thầu của nhà thầu <b>phải bao gồm tất cả các chi phí</b> để thực hiện các công việc sau: - Vận chuyển, lắp đặt. - Vận hành thử (bao gồm cả các chi phí liên quan để vận hành thử), hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ, xử lý các sự cố kỹ thuật. - Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao. - Bảo hiểm liên quan vận chuyển, lắp đặt, vận hành thử. - Các chi phí khác có liên quan đến phạm vi cung cấp hàng hoá.

	2	Các phần của gói thầu: Không.
12		Đồng tiền dự thầu: Việt Nam Đồng.
13	1	a) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu tại Mục 2 của BDL này.
	2	b) Các tài liệu khác chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.
14		Tài liệu chứng minh sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dưới hình thức văn bản, bản vẽ và số liệu như sau: - Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại <b>Chương V Phần II HSMT</b> . - Có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối: Bản gốc và bản dịch ra tiếng Việt được chứng thực) - Có đủ tài liệu về kỹ thuật của hàng hóa (Catalogue): Bản gốc và bản dịch ra tiếng Việt được chứng thực. - Có cam kết cung cấp các giấy tờ theo Mẫu số 3A trước khi cung cấp hàng hoá.
15	1	Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu: - Hình thức bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của Ngân hàng theo Mẫu số 11 trong HSMT hoặc nộp tiền trực tiếp. - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: <b>15.000.000 đồng</b> (Mười lăm triệu đồng chẵn). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: Bằng thời gian có hiệu lực của HSDT.
	2	Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 66 và Điều 72 của Luật Đấu thầu.
16	1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là 30 ngày kể từ thời điểm đóng thầu ( <b>08h00 ngày 20 tháng 8 năm 2020</b> ).
17	1	Số lượng HSDT phải nộp: <b>- 01 bản gốc; và 02 bản chụp.</b> + Bản gốc là bản HSDT được chuẩn bị đầy đủ tài liệu, hình thức trình bày (cả chứng thực) theo các quy định của HSMT được người có thẩm quyền của nhà thầu ký vào từng trang ở phía dưới bên phải (kể cả các tài liệu đã bắt buộc ký theo quy định). + Bản chụp HSDT là bản sao y từ bản gốc HSDT có đóng dấu đỏ của nhà thầu vào phía trên bên phải của từng trang.
18	1	Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT: _____ <i>Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT:</i> - Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____ - Địa chỉ nộp HSDT (tên, địa chỉ của bên mời thầu): Công ty Cổ phần

		<p>xây dựng 47- Số 8 đường Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.</p> <p>- <i>Tên gói thầu:</i> Trang bị mới thiết bị máy tính cho CBCNV khối Văn phòng công ty</p> <p>- <i>Không được mở trước 08 giờ 30, ngày 20 tháng 8 năm 2020.</i></p> <p><i>Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi".</i></p>
19	1	Thời điểm đóng thầu: <b>08 giờ 00, ngày 20 tháng 8 năm 2020</b>
22	1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc <b>08 giờ 30, ngày 20 tháng 8 năm 2020</b> tại Văn phòng Công ty Cổ phần xây dựng 47
29		Chuyên đổi sang một đồng tiền chung: Không áp dụng.

### Chương III

## TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

### Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1

#### TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại, không xem xét tiếp nếu có 1 trong các nội dung sau đây không đáp ứng:

TT	Nội dung	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Tính hợp lệ của đơn dự thầu (Mẫu số 1 Chương IV) theo quy định tại Mục 10 Chương I;		
2	Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo Mục 2 và khoản 1 Mục 13 Chương I; + Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp + Hạch toán tài chính độc lập + Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật + Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật đấu thầu + Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu + HSDT có giá dự thầu cố định, không kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư		
4	Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa nêu tại Mục 3 và Mục 14 Chương I + Toàn bộ thiết bị có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp + Toàn bộ thiết bị được sản xuất trong năm 2019-2020 + Có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối đối với các thiết bị nhập khẩu: Bản chứng thực và bản dịch ra tiếng Việt Nam được chứng thực. + Có đủ tài liệu về kỹ thuật của tất cả hàng hóa (catalogue): Bản gốc và bản dịch ra tiếng Việt được công chứng (đối với thiết bị nhập khẩu). + Có cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu theo Mẫu số 3A trước khi cung cấp hàng hoá		
5	Có đủ 01 bản gốc và 02 bản chụp HSDT		
6	Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15 Chương II;		
7	Biểu giá chào theo quy định tại Mục 11 Chương II; + Đủ số lượng, chủng loại thiết bị mời thầu		

+ Giá chào đến địa điểm lắp đặt (bao gồm cả vận chuyển, lắp đặt, bảo hiểm vận chuyển, ...).		
+ Có chương trình hướng dẫn sử dụng, chuyên giao công nghệ cho đơn vị sử dụng.		
+ Đủ tất cả các loại thuế, phí, ... theo quy định hiện hành		
+ Đồng tiền dự thầu phải là Đồng tiền Việt Nam		

### **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

#### **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

\* Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm khi tất cả các nội dung dưới đây được đánh giá đạt:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)</b>
<b>1</b>	Số lượng các hợp đồng/hóa đơn GTGT bán hàng tương tự như hợp đồng của gói thầu này đã thực hiện trong 2 năm gần đây ( 2018, 2019).	Nhà thầu đã thực hiện hoàn thành số lượng các hợp đồng/hóa đơn GTGT bán hàng tương tự như hợp đồng của gói thầu này đã thực hiện trong 2 năm gần đây ( 2018, 2019) có tổng giá trị $\geq 70\%$ giá trị gói thầu đang xét.
<b>2</b>	Số năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị máy tính.	Tối thiểu 05 năm (căn cứ theo Giấy đăng ký kinh doanh, tính đến thời điểm đóng thầu)
	<b>Kết luận</b>	<b>Đạt/Không đạt</b>

### **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

#### **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**

- Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật khi không có tiêu chuẩn nào bị đánh giá là “không đạt”.

<b>Stt</b>	<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b><u>Phần thiết bị</u></b>	<b><u>Đạt</u></b>	
<b>1</b>	<b>Xuất xứ và năm sản xuất</b>	<b><u>Đạt</u></b>	
<b>a</b>	<b>Nhãn hiệu và xuất xứ thiết bị:</b>		
	+ Nhãn hiệu và xuất xứ hàng hóa đúng như yêu cầu tại Phạm vi cung cấp Chương V HSMT	<b><u>Đạt</u></b>	
	+ Nhãn hiệu và xuất xứ hàng hóa không đúng như yêu cầu tại Phạm vi cung cấp Chương V HSMT	<b><u>Không đạt</u></b>	
<b>b</b>	<b>Năm sản xuất:</b>		

	+ Sản xuất năm 2019-2020	<b>Đạt</b>	
	+ Sản xuất từ trước năm 2019	<b>Không đạt</b>	
<b>2</b>	<b>Thông số kỹ thuật của thiết bị:</b>		
	+ Thiết bị đồng bộ, có thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT	<b>Đạt</b>	
	+ Thiết bị thiếu đồng bộ hoặc thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của HSMT	<b>Không đạt</b>	
<b>3</b>	<b>Bảo hành thiết bị</b>		
	+ Bảo hành thiết bị từ 12 tháng trở lên	<b>Đạt</b>	
	+ Bảo hành thiết bị dưới 12 tháng	<b>Không đạt</b>	
<b>4</b>	<b>Về thời gian thực hiện</b>		
	+ Thời gian thực hiện toàn bộ hợp đồng hợp lý; Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định	<b>Đạt</b>	
	+ Thời gian thực hiện toàn bộ hợp đồng hợp lý; Dài hơn số ngày quy định	<b>Không đạt</b>	
	<b><u>Kết luận</u></b>	<b><u>Đạt/</u></b> <b><u>Không đạt</u></b>	

#### **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**

#### **XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Căn cứ xác định</b>
1	Xác định giá dự thầu	Theo Mục 11 Chương I
2	Sửa lỗi	Theo Mục 27 Chương I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Mục 28 Chương I
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	Theo thư giảm giá của nhà thầu
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)+(4)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)	Theo Mục 29 Chương I Không áp dụng
7	Giá đánh giá	Giá trị nội dung mục 5

Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất, có giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch không vượt giá dự toán của gói thầu được duyệt thì được kiến nghị trúng thầu theo giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có).



**Chương IV**  
**BIỂU MẪU DỰ THẦU**

**Mẫu số 1**

**ĐƠN DỰ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần xây dựng 47  
(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và Quyết định sửa đổi HSMT số [ghi số của Quyết định bổ sung nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện Gói thầu: Trang bị mới thiết bị máy tính cho CBCNV khối Văn phòng công ty theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là [ghi giá trị bằng số, bằng chữ] <sup>(1)</sup> cùng biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ..... ngày.

Nếu Hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 35 Chương I và Điều 5 Điều kiện chung của hợp đồng trong HSMT.

HSMT này có hiệu lực trong thời gian **30 ngày, kể từ 08 giờ, 00 ngày 20 tháng 8 năm 2020.**

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(2)</sup>**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Chỉ cho phép chào thầu bằng tiền đồng Việt Nam.

<sup>(2)</sup> Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

**Mẫu số 2**

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_\_

Tôi là [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình

tham gia đấu thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] do [ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSĐT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [ghi tên nhà thầu]. [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu nếu có]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 10 Chương 1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu (nếu có) trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền lại cho người khác.

<sup>(2)</sup> Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

<sup>(3)</sup> Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**DANH MỤC CHÀO THẦU**

**I/ Danh mục hàng hóa chào thầu và thông số kỹ thuật**

<b>Stt</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Nhãn hiệu hàng hóa</b>	<b>Hãng sản xuất, Xuất xứ, năm sản xuất</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>
1	Máy tính xách tay (laptop)	13	cái			
2	Máy tính Desktop (văn phòng)	15	Bộ			
3	Máy tính Desktop (kỹ thuật)	5	Bộ			

**II/ Tiến độ cung cấp, thời gian bảo hành và hồ sơ và phụ kiện kèm theo**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>
1	Tiến độ cung cấp hàng:
2	Thời gian bảo hành toàn bộ:
3	Hồ sơ kèm theo cam kết sẽ cung cấp trước khi giao hàng:
4	Phụ kiện khuyến mãi kèm theo máy tính xách tay:

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**BIỂU GIÁ CHÀO THẦU**

<b>Stt</b>	<b>Tên hàng hoá</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (đồng)</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
1					
2					
3					

**Giá trên đã bao gồm:**

- + Vận chuyển, lắp đặt thiết bị mới tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng 47 – Số 8 Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (bao gồm tất cả các chi phí liên quan).
- + Hướng dẫn sử dụng.
- + Chi phí bảo hành.
- + Thuế GTGT 10% và tất cả các loại thuế và phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ ĐÃ THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ (ghi tên đầy đủ của nhà thầu).

Stt	Tên hợp đồng/ Số hóa đơn	Tên chủ đầu tư/Đơn vị, cá nhân mua hàng	Giá trị thực hiện
1			
2			
3			

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, tài liệu có liên quan đến các hợp đồng/ hóa đơn.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**BẢO ĐẢM DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: Công ty cổ phần xây dựng 47  
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc [ghi tên nhà thầu tham dự thầu], sau đây gọi là “nhà thầu”, sẽ tham dự đấu thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án],

Chúng tôi [ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính] xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSMT.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày kể từ ngày \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì [ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính] phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

<sup>(2)</sup> Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 15 của BDL.

<sup>(3)</sup> Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 19 của BDL.

**Phần II**  
**YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP**

**Chương V**  
**PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP**

**I/ Phạm vi cung cấp**

Stt	Danh mục hàng hóa	Số lượng mời thầu	Đơn vị tính	Hãng sản xuất, Xuất xứ, năm sản xuất	Yêu cầu thông số kỹ thuật tối thiểu
1	Máy tính xách tay (laptop)	13	cái	Hãng SX: Dell / HP  Năm SX: 2019-2020	<p>Máy tính nguyên bộ, 13 cái cùng 1 loại.</p> <p>Hàng mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện khi bàn giao</p> <p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CPU: 10th Generation Intel Core i7-1065G7 Processor (1.30GHZ upto 3.90GHz, 4 Cores, 8 Threads, 8MB Cache, FSB 4GT/s);</li> <li>- RAM: 8GB DDr4 Bus 2666Mhz, Maximum 32GB</li> <li>- Ổ đĩa cứng: SSD 512GB M.2 PCie + Dư 1 khe Gắn HDD</li> <li>- Kích thước màn hình: 15.6 inch, độ phân giải Full HD (1920 x 1080) Anti-glare LED Backlight Non-touch Narrow Border WVA Display.</li> <li>- Card đồ họa: Intel Iris Plus Graphics &amp; Nvidia GeForce MX230 2GB GDDR5</li> <li>- Cổng kết nối tích hợp: LAN 1 x RJ45 - Integrated 10/100/1000Mbps GbE; Wireless: 802.11ac 1x1 WiFi and Bluetooth 4.2; SD Card Reader; USB 2.0; Wedge-shaped lock slot; Power; USB 3.1 Gen 1 Type-C™ (data only; HDMI; RJ45; Headphone &amp; Microphone Combo Jack.</li> <li>- Camera: HD Camera with integrated digital microphone.</li> <li>- Bàn phím Laptop loại Full size có đèn.</li> <li>- Hệ điều hành: Windows 10 64bit bản quyền.</li> <li>- Tính năng khác: Multi TouchPad.</li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin Pin: Li-Ion 3 cell.</li> <li>- Bảo hành: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 12 tháng.</li> </ul>
2	Máy tính Desktop văn phòng	15	Bộ	<p>Hãng SX: Dell / HP</p> <p>Năm SX: 2019-2020</p>	<p>Máy tính nguyên bộ, 15 bộ cùng 1 loại.</p> <p>Hàng mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện khi bàn giao</p> <p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý (CPU): Intel® Core™ i5 9400 Processor (2.90 GHz up to 4.10 GHz / 9MB / 6 nhân, 6 luồng )</li> <li>- Bộ nhớ (RAM): 4GB DDR4 2666MHz</li> <li>- Ổ cứng (HDD): 1TB SATA3 (7200rpm)</li> <li>- DVD Rom: R/W Optical Drive</li> <li>- Bo mạch chủ (Mainboard) : Chipset Intel B365 Socket: LGA1151; 2 x DDR4 DIMM, Support for DDR4 2666/2400/2133 MHz memory modules, Max 32Gb; 1 x HDMI , 1 x VGA/D-sub; 1 x M.2 NVMe, 4 x 3.5" SATA, 2 x USB 3.1, 4 x USB 2.0, 4 x 3.5 mm; Bluetooth 4.0, WiFi 802.11n, LAN 1 Gb/s; 1 x SD card slot.</li> <li>- Thùng máy kiểu đứng và nguồn (Đồng bộ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất).</li> <li>- Màn hình (Monitor): Kích thước 21.5", loại IPS w/LED backlight, Độ phân giải: Full HD 1920 x 1080 @ 60Hz, Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động: 1000:1 (typical), Góc nhìn: 170°-160°, Số màu hiển thị: 16.7 triệu màu), Cổng tín hiệu: 1 x HDMI (ver 1.4) 1 x VGA; Chuột (Mouse): Optical Scroll; Bàn phím (Keyboard): Standard. (Đồng bộ với thương hiệu máy tính).</li> </ul>
3	Máy tính Desktop kỹ thuật	5	Bộ	<p>Hãng SX: Dell / HP</p> <p>Năm SX: 2019-2020</p>	<p>Máy tính nguyên bộ, 5 bộ cùng 1 loại.</p> <p>Hàng mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện khi bàn giao.</p> <p><b>Cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý (CPU): Intel® Core™ i5 9400 Processor (2.90 GHz up to 4.10 GHz / 9MB / 6 nhân, 6 luồng )</li> <li>- Bộ nhớ (RAM): 8 GB DDR4</li> </ul>



				<p>2666MHz</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Card màn hình (VGA) rời: 2GB</li> <li>- Ổ cứng (HDD): 1TB SATA3 (7200rpm)</li> <li>- DVD Rom: R/W Optical Drive</li> <li>- Bo mạch chủ (Mainboard: Chipset Intel B365 Socket: LGA1151; 2 x DDR4 DIMM, Support for DDR4 2666/2400/2133 MHz memory modules. Max 32Gb; 1 x HDMI , 1 x VGA/D-sub; 1 x M.2 NVMe, 4 x 3.5" SATA, 2 x USB 3.1, 4 x USB 2.0, 4 x 3.5 mm; Bluetooth 4.0, WiFi 802.11n, LAN 1 Gb/s; 1 x SD card slot.</li> <li>- Thùng máy kiểu đứng và nguồn (Đồng bộ máy theo tiêu chuẩn nhà sản xuất).</li> <li>- Màn hình (Monitor): Kích thước 21.5", loại IPS w/LED backlight, Độ phân giải: Full HD 1920 x 1080 @ 60Hz, Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động: 1000:1 (typical), Góc nhìn: 170°-160°, Số màu hiển thị: 16.7 triệu màu), Cổng tín hiệu: 1 x HDMI (ver 1.4) 1 x VGA; Chuột (Mouse): Optical Scroll; Bàn phím (Keyboard): Standard. (Đồng bộ với thương hiệu máy tính).</li> </ul>
--	--	--	--	--

1. Phạm vi cung cấp của gói thầu này bao gồm:
  - + Đầy đủ thiết bị theo danh mục nêu trên.
  - + Vận chuyển, lắp đặt thiết bị mới tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng 47 – Số 8 Biên Cương, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (bao gồm tất cả các chi phí liên quan).
  - + Hướng dẫn sử dụng.
  - + Tất cả các loại thuế và phí theo quy định hiện hành của nhà nước.
2. Đồng tiền chào thầu: Đồng tiền Việt Nam.

**I/ Tiến độ cung cấp, hồ sơ, các dịch vụ, phụ kiện kèm theo kèm theo**

TT	Nội dung	Yêu cầu đáp ứng
1	Tiến độ cung cấp hàng	10 ngày
2	Thời gian bảo hành toàn bộ	Tối thiểu 12 tháng
3	Hồ sơ	Phải có chứng nhận xuất xứ (C/O), chứng nhận chất lượng (C/Q)
4	Phụ kiện khuyến mãi kèm theo máy tính xách tay	Nhà thầu đề xuất

**Phần III**  
**YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG**  
**Chương VI**  
**ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Hàng hóa” là máy móc, phương tiện vận chuyển, thiết bị (toàn bộ, đồng bộ hoặc thiết bị lẻ), bản quyền sở hữu công nghiệp, bản quyền sở hữu công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng (thành phẩm, bán thành phẩm), cùng với phụ tùng thay thế, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật kèm theo (lắp đặt, chạy thử máy móc, thiết bị, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo chuyển giao công nghệ...) mà nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư theo hợp đồng.
4. “Chủ đầu tư” là tổ chức được nêu trong **ĐKCT**.
5. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (độc lập hoặc liên danh) được nêu trong **ĐKCT**.
6. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc mua sắm đã được dự kiến trong HSDT.
7. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần; trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định.
8. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định trong **ĐKCT**.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

**ĐKC** sẽ được áp dụng đầy đủ, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT** và biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên.

**Điều 3. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng**

Hợp đồng và các tài liệu giao dịch liên quan đến hợp đồng được viết bằng ngôn ngữ như quy định tại Mục 7 Chương I.

**Điều 4. Luật áp dụng**

Hợp đồng được hiểu và áp dụng theo đúng pháp luật hiện hành của Việt Nam, trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**.

**Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo nội dung yêu cầu nêu trong **ĐKCT** để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.
2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.
3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn quy định tại **ĐKCT**.

**Điều 6. Hình thức hợp đồng**

Hình thức hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.

#### **Điều 7. Nhà thầu phụ: không áp dụng**

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp hàng hóa và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Nhà thầu phụ do nhà thầu đề xuất trong HSDT phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có năng lực và kinh nghiệm phù hợp với công việc do nhà thầu phụ đảm nhận và phù hợp với yêu cầu trong HSMT. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ sẽ chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của chủ đầu tư.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT**.

3. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.

#### **Điều 8. Danh mục hàng hóa theo hợp đồng và nhân sự (nếu có).**

Danh mục hàng hóa theo hợp đồng nêu tại Phụ lục là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa mà nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại hàng hóa đó.

Nhân sự thực hiện gói thầu (nếu có) phải tuân thủ quy định trong HSMT.

#### **Điều 9. Giá hợp đồng**

Giá hợp đồng được nhà thầu và chủ đầu tư thống nhất thông qua thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trên cơ sở phù hợp với giá trúng thầu được duyệt và được ghi cụ thể trong hợp đồng (Điều 5 của hợp đồng theo Mẫu số 13 Chương X).

#### **Điều 10. Thuế**

Các yêu cầu về thuế quy định tại **ĐKCT**.

#### **Điều 11. Điều chỉnh giá hợp đồng**

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá được quy định tại **ĐKCT**.

#### **Điều 12. Tạm ứng**

1. Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu theo các nội dung quy định trong **ĐKCT**.

2. Việc hoàn trả tiền tạm ứng được thực hiện như quy định tại **ĐKCT**.

#### **Điều 13. Thanh toán**

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung quy định trong **ĐKCT**.

#### **Điều 14. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng chủ đầu tư;

b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

- c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- d) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Các nội dung khác nêu tại **ĐKCT**.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

#### **Điều 15. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

- a) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 7 mà không có lý do chính đáng;
- b) Nhà thầu gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng;
- c) Các trường hợp khác được mô tả trong **ĐKCT**.

2. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

#### **Điều 16. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm hợp đồng**

Trừ trường hợp bất khả kháng theo Điều 18 **ĐKC**, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được chủ đầu tư gia hạn thì chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) hoặc một khoản tiền phạt tương ứng với giá trị phần trăm nội dung công việc tính cho mỗi tuần lễ bị chậm hoặc một khoảng thời gian nào đó cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện như quy định trong **ĐKCT**. **ĐKCT** sẽ quy định mức tối đa của khoản khấu trừ này. Khi đạt đến mức tối đa, chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo Điều 17 **ĐKC**.

#### **Điều 17. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng nếu nhà thầu có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được chủ đầu tư gia hạn;
- b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác nêu tại **ĐKCT**.

2. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 18. Trường hợp bất khả kháng**

1. Nhà thầu sẽ không bị thu bảo đảm thực hiện hợp đồng, không phải bồi thường thiệt hại hoặc không bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.

2. Trong hợp đồng này, trường hợp bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm

ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của nhà thầu, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của nhà thầu, chẳng hạn: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, các lý do kiểm dịch, cấm vận...

3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, nhà thầu chuyển cho chủ đầu tư giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền hoặc phòng thương mại tại nước sở tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của chủ đầu tư bằng văn bản, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

### **Điều 19. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng**

1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.

2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

3. Các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư. Khi chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

### **Điều 20. Xuất xứ của hàng hóa**

Xuất xứ của hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng phải rõ ràng, hợp pháp, phù hợp với yêu cầu của HSMT.

### **Điều 21. Tiêu chuẩn hàng hóa**

Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng này phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn được nêu trong ĐKCT.

### **Điều 22. Bản quyền**

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho chủ đầu tư.

### **Điều 23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định trong ĐKCT.

2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

3. Khi thực hiện các nội dung nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhà thầu không

được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

#### **Điều 24. Đóng gói hàng hóa**

Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nêu tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng quy định.

#### **Điều 25. Cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo**

Việc cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo phải được tiến hành theo tiến độ nêu trong HSMT. Các nội dung cụ thể về cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo được nêu trong **ĐKCT**.

#### **Điều 26. Bảo hiểm :**

Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định trong **ĐKCT**.

#### **Điều 27. Vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác**

Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được nêu trong **ĐKCT**.

#### **Điều 28. Bảo hành**

1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa được nêu trong **ĐKCT**.

#### **Điều 29. Giải quyết tranh chấp**

1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định trong **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **ĐKCT**.

#### **Điều 30. Thông báo**

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **ĐKCT**.

2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

**Chương VII**  
**ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

Điều	Khoản	Nội dung
1	4	Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần xây dựng 47
	5	Nhà thầu: _____ [ <i>Ghi tên nhà thầu trúng thầu</i> ]
	8	Ngày hợp đồng có hiệu lực: .....
2		Nguyên tắc áp dụng khác: Nếu <b>ĐKC</b> có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng của <b>ĐKCT</b> thì lấy nội dung của <b>ĐKCT</b> làm cơ sở pháp lý.
4		Luật áp dụng: Luật Đấu thầu.
5	1	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai bên.</i></li> <li>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Bằng thư bảo đảm của một ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>3%</b> giá hợp đồng.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối thiểu 30 ngày kể từ khi phát hành; trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu nhà thầu muốn gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì phải gia hạn thời gian bảo lãnh tương ứng ; hoặc khi chủ đầu tư yêu cầu gia hạn nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu.</li> </ul> </li> </ul>
	3	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định và chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm bảo hành
6		Hình thức hợp đồng : Hợp đồng trọn gói.
7	1	Danh sách nhà thầu phụ (nếu có): Không
	2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: không
	4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không có.
10		Yêu cầu về thuế: <i>đơn giá và giá hợp đồng đã bao gồm các loại thuế, phí các loại theo quy định hiện hành.</i>
11		Điều chỉnh giá hợp đồng: Không điều chỉnh trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
12	1	Tạm ứng: <i>50% giá trị hợp đồng</i>
	2	Hoàn trả tiền tạm ứng (nếu có): Tiền tạm ứng sẽ thu hồi dần qua các lần thanh toán, việc thu hồi vốn tạm ứng được bắt đầu ngay sau khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.
13		Phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán bằng chuyển khoản.</li> <li>- Điều kiện thanh toán:</li> </ul>

		+ Bên A sẽ thanh toán cho bên B 50% giá trị còn lại của Hợp đồng sau khi bên B hoàn thành việc bàn giao và hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đủ hàng hóa. + Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.
14	1	e) Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Nhà thầu sẽ không được phép thực hiện bất kỳ một sửa đổi nào hoặc thay đổi nào đối với thiết bị và dịch vụ mà làm tăng thêm hay giảm bớt giá hợp đồng, hoặc kéo dài thêm thời gian thực hiện hợp đồng nếu không có chỉ dẫn hoặc phê chuẩn trước bằng văn bản của chủ đầu tư.
15	1	c) Các yếu tố khác: Không có.
16		Bồi thường thiệt hại, phạt do vi phạm hợp đồng: Nếu nhà thầu không thực hiện việc giao thầu một phần hay toàn bộ các hàng hóa, hoặc không thực hiện những dịch vụ yêu cầu trong thời gian quy định trong hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ khỏi hợp đồng một khoản tiền bằng 0,5% giá trị của hàng hóa bị chậm trễ cho đến khi thực hiện được việc giao hàng và thực hiện được các dịch vụ, tới mức khấu trừ tối đa 3% giá trị hợp đồng của những hàng hóa bị chậm trễ hoặc các dịch vụ không thực hiện. - Khi mức phạt đạt mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét việc chấm dứt hợp đồng. Việc khấu trừ khoản tiền bồi thường thiệt hại khỏi giá trị hợp đồng không miễn trừ Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng.
17	1	c) Các hành vi khác: Nhà thầu sẽ không được phép thực hiện bất kỳ sửa đổi nào hoặc thay đổi nào đối với thiết bị và dịch vụ mà làm tăng thêm hay giảm bớt giá trị hợp đồng, hoặc kéo dài thêm thời gian hoàn thành nếu như không có chỉ dẫn hoặc phê chuẩn trước bằng văn bản của Chủ đầu tư.
21		Tiêu chuẩn hàng hóa: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
23	1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Chi phí kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do bên B chịu. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường về chất lượng, số lượng hàng hóa của mình không đạt yêu cầu sau khi kiểm tra, thử nghiệm.
24		Đóng gói hàng hóa: Theo quy cách của nhà sản xuất.
25		Cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo: Theo quy cách của nhà sản xuất.
26		Nội dung bảo hiểm: Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc đảm bảo an toàn lao động cho cán bộ, nhân viên của mình trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
27		- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B phải chịu trách nhiệm vận chuyển và lắp đặt hàng hóa đúng địa điểm cụ thể theo yêu cầu của bên A.
28	1	Nội dung yêu cầu đảm bảo khác đối với hàng hóa: Thiết bị phải mới 100%, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
	2	Yêu cầu về bảo hành: _____ - Thời hạn bảo hành: Thời hạn bảo hành được tính kể từ khi hàng



		<p>hóa được bàn giao, nghiệm thu; thời gian bảo hành tối thiểu là 12 tháng.</p> <p>- Bảo hành: Bên B sẽ giao cho Bên A Chứng nhận bảo hành thiết bị.</p>
29	2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu như sau 30 ngày kể từ ngày bắt đầu những tranh chấp mà Chủ đầu tư và Nhà thầu không thể giải quyết bằng thương lượng được thì một trong hai bên có thể yêu cầu Tòa án kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết, bên thua phải chịu án phí.</p>
30	1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Công ty Cổ phần xây dựng 47 Điện thoại: (0256) 3522166 Fax: (0256) 3522316</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>

## Chương VIII MẪU HỢP ĐỒNG

**Mẫu số 7**

### HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup>

*(Văn bản hợp đồng cung cấp hàng hóa)*

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);
- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013);
- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu \_\_\_\_ và thông báo trúng thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A:** Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B:** Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng. Trường hợp giá hợp đồng được ký bằng nhiều đồng tiền khác nhau thì ghi rõ giá

trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền đó, ví dụ: 100 triệu USD + 30 tỷ VND (một trăm triệu đôla Mỹ và ba mươi tỷ đồng Việt Nam)].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong Điều 13 ĐKCT.

**Điều 6. Hình thức hợp đồng:** \_\_\_\_\_

[Nếu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 6 ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_

[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 2 Mục 1 BDL, HSĐT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, chủ đầu tư giữ \_\_\_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU  
TU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo hoàn thiện hợp đồng.

**Mẫu số 8**

## **BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: Công ty TNHH NN MTV QLKTCT thuỷ lợi Thừa Thiên Huế.

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa [mô tả hàng hóa] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng <sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là [ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang

cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ghi chú:*

(1) *Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính*

(2) *Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail.*

(3) *Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 7 ĐKCT.*

**Mẫu số 9**

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, *[ghi tên của ngân hàng]* ở *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của nhà thầu, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> hoặc khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ghi chú:*

*(1) Tùy theo điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 12 ĐKCT (thông thường áp dụng đối với gói thầu đấu thầu quốc tế).*

*(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.*

*(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.*